

Bản án số: 132/2019/DS-ST

Ngày: 24-10-2019

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CL, TỈNH BT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Trọn;

2. Ông Phan Thanh Sáng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh BT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh BT xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 132/2019/TLST-DS ngày 19 tháng 9 năm 2019 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2019/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đinh Thanh T - sinh năm 1983 và bà Nguyễn Thị Đ - sinh năm 1981; Cùng địa chỉ: ấp C, xã PP, huyện CL, tỉnh BT (Ông Đinh Thanh T và bà Nguyễn Thị Đ ủy quyền cho ông Nguyễn Thanh H1 - sinh năm 1993, địa chỉ: ấp Cái Tắc, xã Hưng Khánh Trung A, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh BT).

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Thanh H - sinh năm 1979, địa chỉ: ấp C, xã PP, huyện CL, tỉnh BT.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị Kim A - sinh năm 1978, địa chỉ: ấp C, xã PP, huyện CL, tỉnh BT.

Tất cả có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông T và bà Đ là ông Nguyễn Thanh H1 trình bày: Vào ngày 08/11/2018, vợ chồng bà Đ, ông T có cho vợ chồng ông H, bà Kim A mượn số tiền 46.000.000 đồng

để trả tiền nợ ngân hàng và làm giấy mượn tiền do ông H ký tên, thời hạn trả tiền như sau:

Từ ngày 08/11/2018 - 17/11/2018: trả 10.000.000đồng;

Ngày 17/11/2018 - 26/11/2018: trả 10.000.000đồng;

Ngày 26/11/2018 - 05/12/2018: trả 10.000.000đồng;

Ngày 05/12/2018 - 24/12/2018: trả 16.000.000đồng. Ngoài ra, hai bên còn thỏa thuận: Nếu thực hiện không đúng lời cam kết trên (ngày trả cuối cùng là ngày 24/12/2018) thì bên A (bên đưa tiền) được quyền tính của một thành hai số tiền cho mượn. Từ khi mượn tiền đến nay, vợ chồng ông H, bà Kim A không đóng tiền lãi cho ông bà cũng không trả tiền đúng như thỏa thuận.

Vì vậy, bà Đ và ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông H, bà Kim A trả cho ông bà số tiền là: $46.000.000\text{đồng} \times 2 = 92.000.000\text{đồng}$ và lãi suất chậm trả từ ngày 25/12/2018 đến ngày 14/10/2019 là: $92.000.000\text{đ} \times 0,83\% \times 9 \text{ tháng} = 6.827.400\text{đồng}$.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Thanh H trình bày:

Vào khoảng năm 2018, ông có mượn vợ chồng ông T và bà Đ nhiều lần cộng lại 35.000.000đồng, ông đóng lãi được 06 tháng với số tiền lãi là: $6\text{tháng} \times 3.500.000\text{đồng}/\text{tháng} = 21.000.000\text{đồng}$. Sau đó, ông mượn thêm số tiền 3.500.000đồng, đóng lãi được 02 tháng với số tiền lãi là: $2 \text{ tháng} \times 3.850.000\text{đồng}/\text{tháng} = 7.700.000\text{đồng}$. Vì vậy, ông mượn của bà Đ, ông T số tiền gốc là 38.500.000đồng, hai bên thỏa thuận làm giấy mượn tiền và ông đồng ý ký tên trả cho bà Đ và ông H số tiền 46.000.000đồng theo giấy mượn tiền ngày 08/11/2018 do bà Đ, ông H cung cấp. Đến ngày 22/01/2019, ông H đã trả cho bà Đ số tiền gốc là 12.000.000đồng. Do đó, ông H chỉ còn thiếu bà Đ, ông T số tiền là 34.000.000đồng. Tuy nhiên việc ông H đã trả cho bà Đ 12.000.000đ tiền gốc thì không có giấy tờ gì chứng minh cho nên ông chấp nhận trả cho bà Đ, ông T là 46.000.000đ tiền gốc và chịu lãi suất theo lãi suất ngân hàng qui định từ ngày 24/12/2018 đến nay.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Kim A trình bày: Tuy bà A không trực tiếp mượn nợ của bà Đ, ông T nhưng số tiền mà chồng bà là ông H nợ vợ chồng bà Đ thì bà biết nên bà thống nhất với lời trình bày của ông H và đồng ý cùng ông H trả cho bà Đ, ông T số tiền 46.000.000đồng và tiền lãi như ông H trình bày.

Phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân huyện CL:

Về tố tụng, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo qui định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 46.000.000đ và tiền lãi theo lãi suất ngân hàng qui định từ ngày 24/12/2018 đến nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Đ, ông T có giao kết và cho bị đơn ông Nguyễn Thanh H vay số tiền là 46.000.000đ, các đương sự đều có cùng địa chỉ: ấp C, xã PP, huyện CL, tỉnh BT nên đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo qui định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 ; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn bà Đ và ông T khởi kiện cho rằng bị đơn ông H, bà A còn nợ nguyên đơn số tiền gốc là 46.000.000đồng, sự việc này đã được bị đơn ông H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà A thừa nhận và đồng ý cùng liên đới trả cho nguyên đơn. Do đó, đây là tình tiết không phải chứng minh theo qui định tại điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay phía bị đơn ông H, bà A còn nại rằng ông bà đã có đóng lãi cho vợ chồng bà Đ là 28.700.000đồng, nhưng ông bà không cung cấp được chứng cứ để chứng minh theo yêu cầu của Tòa, mà phía nguyên đơn thì không thừa nhận có nhận tiền lãi của bị đơn, cho nên không có căn cứ để xem xét.

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc hai bên đã ký kết thỏa thuận với nhau: *“Nếu bên B (bên mượn tiền) không thực hiện đúng như lời cam kết trên (ngày trả tiền cuối cùng là ngày 24/12/2018) thì bên A (bên đưa tiền) được quyền tính của một thành hai”*. Mặc dù, bị đơn ông H thừa nhận có ký vào giấy tay mượn tiền, nhưng việc thỏa thuận này là không phù hợp với qui định của pháp luật, hơn nữa giao dịch tiền gốc thực tế được hai bên thừa nhận là 46.000.000đồng, theo giấy tay thì đây là tiền mượn nhưng thực tế là tiền vay và phía bị đơn cũng đồng ý trả lãi cho nguyên đơn, nên chỉ có cơ sở buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền gốc 46.000.000đồng và tiền lãi chậm trả từ ngày 24/12/2018dl đến nay là phù hợp với qui định của pháp luật.

Về lãi suất, theo giấy mượn tiền ngày 08/11/2018dl thì hai bên không thỏa thuận về lãi suất, nhưng do bị đơn không thực hiện đúng như thỏa thuận cho nên việc nguyên đơn yêu cầu tính tiền lãi suất chậm trả từ ngày 24/12/2018dl đến ngày xét xử với mức lãi suất là 0,83%/tháng là phù hợp.

Còn đối với việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi trên số tiền 92.000.000đồng là không phù hợp. Bởi lẽ, số tiền gốc giao dịch giữa hai bên thừa nhận chỉ là 46.000.000đ. Vì vậy, yêu cầu tính lãi của nguyên đơn trên số tiền 92.000.000đ sẽ được điều chỉnh lại theo qui định tại khoản 4 Điều 466, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số qui định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì lãi suất chậm trả trong trường hợp này được tính như sau:

Lãi suất chậm trả (từ ngày 24/12/2018 đến ngày xét xử ngày 24/10/2019) là: $46.000.000\text{đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 10 \text{ tháng} = 3.818.000\text{đồng}$.

Bà Kim A thừa nhận là vợ ông H trong thời kỳ hôn nhân và cũng đồng ý cùng liên đới với ông H trả nợ nên ghi nhận.

Từ những căn cứ trên, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có một phần cơ sở nên chấp nhận và cũng phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326, ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26 ; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đ, ông T.

Buộc ông Nguyễn Thanh H và bà Trần Thị Kim A phải liên đới trả cho ông Đinh Thanh T, bà Nguyễn Thị Đ số tiền gốc là 46.000.000đồng và tiền lãi là 3.818.000đồng, tổng cộng là 49.818.000đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của bà Đ, ông T, nếu ông H, bà A chưa thi hành xong khoản tiền nêu trên thì phải liên đới chịu tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Về án phí:

Buộc ông Nguyễn Thanh H, bà Trần Thị Kim A phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: $49.818.000\text{đ} \times 5\% = 2.490.900\text{đồng}$.

Buộc ông Đinh Thanh T, bà Nguyễn Thị Đ phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu không được chấp nhận là: $(98.872.400\text{đ} - 49.818.000\text{đ}) \times 5\% = 2.452.700\text{đồng}$.

Số tiền bà Đ, ông T nộp tạm ứng theo biên lai số 0006804, 0006847 ngày 17/9/2019, 18/10/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL được khấu trừ sang tiền án phí. Hoàn trả lại cho bà Đ, ông T số tiền chênh lệch còn lại là 147.300đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 24/10/2019) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh BT xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện CL;
- Chi cục T.H.A DS huyện CL;
- Các đương sự;
- Lưu HSVÀ+VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

LÊ THỊ THÚY HẰNG